CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng

Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2012, được sửa đổi bổ sung bởi:

Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

Căn cứ Nghị định số 189/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 44/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả[1]

---

[1] Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trình tự đăng ký, đánh giá, cấp giấy chứng nhận, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận, chỉ định tổ chức thử nghiệm và thực hiện dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng do Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc các phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng theo hình thức tự nguyện *(sau đây gọi chung là phương tiện, thiết bị)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các nhà sản xuất, nhập khẩu (sau đây gọi là doanh nghiệp) các phương tiện, thiết bị quy định tại Điều 1.

2. Các tổ chức thử nghiệm được chỉ định tham gia thử nghiệm phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng.

3. Các cơ quan quản lý hoạt động dán nhãn năng lượng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. Dán nhãn năng lượng: là việc dán, gắn, in, khắc nhãn năng lượng lên sản phẩm, bao bì.

2. ILAC: Hiệp hội công nhận các Tổ chức thử nghiệm quốc tế (International Laboratory Accreditation Cooperation).

3. APLAC: Hiệp hội công nhận các phòng thử nghiệm Châu Á - Thái Bình Dương (Asia Pacific Laboratory Accreditation Cooperation).

4. VILAS: Hệ thống công nhận Phòng thử nghiệm Việt Nam (Vietnam Laboratory Accreditation Scheme).

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực."

5. ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (International Organization for Standardization).

6. IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (International Electrotechnical Commission).

7. TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc và phương thức chứng nhận dán nhãn cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng

1. Căn cứ để thử nghiệm, đánh giá và chứng nhận phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng là các TCVN hoặc các quy định của Bộ Công Thương tương ứng.

2. Tổ chức thử nghiệm phải là các tổ chức đáp ứng các điều kiện theo quy định và được Bộ Công Thương chỉ định.

3. Phương thức chứng nhận phương tiện, thiết bị sản xuất, bao gồm:

a) Thử nghiệm mẫu điển hình;

b) Đánh giá điều kiện sản xuất (tại cơ sở sản xuất);

c) Cấp giấy chứng nhận, hiệu lực của giấy chứng nhận không quá 03 (ba) năm;

d) Giám sát sản phẩm, hàng hóa sau chứng nhận.

4. Phương thức chứng nhận đối với phương tiện, thiết bị nhập khẩu, bao gồm:

a) Thử nghiệm mẫu điển hình;

b) Đánh giá thực tế (kho, bãi);

c) Cấp giấy chứng nhận cho từng lô.

Chương II
ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

Điều 5. Điều kiện để chỉ định Tổ chức thử nghiệm

1. Tổ chức thử nghiệm độc lập có đủ năng lực nằm trong hệ thống VILAS, được công nhận theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 hoặc các Tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được công nhận bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (ILAC hoặc APLAC).

2. Tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận theo tiêu chuẩn của hệ thống VILAS, TCVN ISO/IEC 17025 nhưng có đủ năng lực thử nghiệm các chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị bao gồm:

a) Có nhân viên thử nghiệm được đào tạo đúng chuyên ngành kỹ thuật đối với phương tiện, thiết bị thử nghiệm;

b) Có thiết bị thí nghiệm đảm bảo hoạt động tốt, được bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn đúng theo quy định và đủ độ chính xác để thực hiện các chỉ tiêu thử nghiệm;

c) Có đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn thử nghiệm;

d) Có đầy đủ các quy trình, hướng dẫn công việc thử nghiệm;

đ) Có lập và lưu trữ các hồ sơ cần thiết: hồ sơ đào tạo nhân viên thử nghiệm; hồ sơ theo dõi việc kiểm định, hiệu chuẩn; hồ sơ bảo trì và bảo dưỡng thiết bị thử nghiệm; hồ sơ kết quả hoạt động thử nghiệm (nếu có).

Điều 6. Trình tự thủ tục chỉ định Tổ chức thử nghiệm

1. Tổ chức thử nghiệm muốn tham gia hoạt động thử nghiệm để dán nhãn phải lập hồ sơ đăng ký gửi về Tổng cục Năng lượng.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm theo Thông tư số 08/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 Hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp;

b) Giấy đăng ký chỉ định tổ chức thử nghiệm dán nhãn năng lượng theo mẫu tại Phụ lục 1;

c) Danh sách thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm đăng ký chỉ định theo mẫu tại Phụ lục 2;

d) Danh mục các tài liệu, tiêu chuẩn, quy trình phục vụ thử nghiệm theo mẫu tại Phụ lục 3;

đ) Phiếu, báo cáo thử nghiệm;

e) Các tài liệu, chứng chỉ làm bằng chứng (nếu có);

g) Kết quả hoạt động thử nghiệm trong một năm gần nhất (nếu có).

3. Trong thời hạn không quá hai mươi ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổng cục Năng lượng tổ chức xem xét hồ sơ, thực hiện đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở để trình Bộ Công Thương quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm. Hiệu lực quyết định chỉ định không quá 03 (ba) năm.

Trường hợp từ chối việc chỉ định, Tổng cục Năng lượng thông báo lý do từ chối bằng văn bản cho tổ chức thử nghiệm.

4. Ít nhất ba tháng trước khi quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm hết hiệu lực, nếu có nhu cầu, tổ chức thử nghiệm phải thực hiện thủ tục đăng ký lại và gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định Tổ chức thử nghiệm được chỉ định phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung (đăng ký mới) và gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 7. Công nhận kết quả thử nghiệm của các tổ chức nước ngoài

Kết quả thử nghiệm phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng ở nước ngoài chỉ được chấp nhận trong trường hợp thỏa mãn các điều kiện dưới đây:

1. Tổ chức thử nghiệm có yếu tố nước ngoài phải là tổ chức độc lập được công nhận theo chuẩn mực ISO/IEC 17025 (hoặc tương đương) bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (ILAC hoặc APLAC).

2. Tổ chức thử nghiệm có yếu tố nước ngoài phải đăng ký chỉ định với Tổng cục Năng lượng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

3. Hồ sơ đăng ký chỉ định gồm:

a) Bản sao giấy chứng nhận tư cách pháp nhân hoặc giấy tờ tương tự;

b) Giấy đăng ký chỉ định tổ chức thử nghiệm dán nhãn năng lượng theo mẫu tại Phụ lục 1;

c) Danh sách thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm đăng ký chỉ định theo mẫu tại Phụ lục 2;

d) Danh mục các tài liệu, tiêu chuẩn, quy trình phục vụ thử nghiệm theo mẫu tại Phụ lục 3;

đ) Phiếu hoặc báo cáo thử nghiệm;

e) Chứng chỉ công nhận của tổ chức công nhận (nếu có);

g) Kết quả hoạt động thử nghiệm trong một năm gần nhất (nếu có).

Tài liệu trong hồ sơ phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng.

4. Các phép thử phải phù hợp với phương pháp thử quy định trong các TCVN và quy định tương ứng khác.

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Điều 8. Trình tự thủ tục đánh giá và cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục nêu ở Điều 1 Thông tư này tham gia chứng nhận và dán nhãn năng lượng (nhãn xác nhận hoặc nhãn so sánh) cần thực hiện các bước sau đây:

1. Thử nghiệm mẫu điển hình: Doanh nghiệp tự lấy mẫu phương tiện, thiết bị; Số lượng và phương pháp lấy mẫu thử theo tiêu chuẩn tương ứng hoặc theo quy định của Bộ Công Thương và gửi tới tổ chức thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định để thử nghiệm theo tiêu chuẩn tương ứng để được cấp phiếu kết quả thử nghiệm.

2. Lập hồ sơ và gửi về Tổng cục Năng lượng, hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đăng ký chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, trong đó nêu rõ doanh nghiệp đăng ký dán nhãn so sánh hay nhãn xác nhận theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo danh mục các loại phương tiện, thiết bị;

b)[2] Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu. Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên.

c) Bản sao của hợp đồng với các nhà cung cấp hàng hóa ở nước ngoài (đối với các nhà nhập khẩu) và Tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

d) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa;

đ) Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bản sao có đóng dấu xác nhận của người đứng đầu doanh nghiệp), bản mô tả tóm tắt các thông số đặc trưng cơ bản của phương tiện, thiết bị;

e) Kết quả thử nghiệm do Tổ chức thử nghiệm được chỉ định cấp có thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp;

g) Hồ sơ, tài liệu, quy trình quản lý chất lượng của doanh nghiệp;

h) Hồ sơ, chứng chỉ quản lý chất lượng liên quan.

Đối với trường hợp đại lý nộp thay cho nhà sản xuất ở nước ngoài, đại lý phải xuất trình Giấy ủy quyền. Trường hợp các hồ sơ, tài liệu nêu trên bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có công chứng.

3. Đánh giá chứng nhận

a) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đăng ký chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị, Tổng cục Năng lượng xem xét hồ sơ, đánh giá năng lực doanh nghiệp, sự phù hợp của hồ sơ, kết quả thử nghiệm so với tiêu chuẩn đánh giá; xác định mức tiêu thụ năng lượng so với các tiêu chuẩn đã công bố;

b) Sau khi có kết quả đánh giá hồ sơ phù hợp, Tổng cục Năng lượng đánh giá thực tế các doanh nghiệp đăng ký tham gia dán nhãn năng lượng và ra quyết định chứng nhận phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng.

---

[2] Cụm từ "Bản sao có công chứng" được thay thế bởi cụm "Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu. Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên" theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

4. Cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng

Trường hợp kết quả hồ sơ đánh giá đạt yêu cầu:

a) Đối với doanh nghiệp nhập khẩu, Bộ Công Thương ra quyết định cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị được đăng ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho từng lô hàng nhập khẩu. Các lô nhập tiếp theo có cùng xuất xứ, cùng địa chỉ nhà máy sản xuất, không có thay đổi về kỹ thuật làm ảnh hưởng đến các yêu cầu chứng nhận, Doanh nghiệp nhập khẩu nộp hồ sơ báo cáo Tổng cục Năng lượng để Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận mới. Nếu có sự thay đổi về xuất xứ hàng hóa hoặc địa điểm nhà máy sản xuất hoặc model hoặc thiết kế kỹ thuật thì phải đánh giá, chứng nhận lại;

b) Đối với nhà sản xuất, Bộ Công Thương quyết định cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng. Giấy chứng nhận có thời hạn tối đa là 03 (ba) năm. Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này. Ba tháng trước khi hết hiệu lực của giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ chứng nhận lại;

Trường hợp kết quả đánh giá không đạt, Tổng cục Năng lượng thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết và nêu rõ lý do.

Điều 9. Sử dụng nhãn năng lượng

1. Nhãn năng lượng được sử dụng thống nhất theo quy định của Bộ Công Thương, hình thức, mẫu phải in theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này. Nhãn năng lượng phải có các thông tin cơ bản sau:

a) Tên nhà sản xuất đầy đủ hoặc viết tắt;

b) Tên và mã hiệu của phương tiện và thiết bị;

c) Mã số chứng nhận do Bộ Công Thương cấp, ngày cấp;

d) Thông tin về mức tiêu thụ năng lượng;

đ) Tiêu chuẩn hoặc Quy định áp dụng.

Các thông tin kỹ thuật đặc thù cho từng phương tiện và thiết bị sẽ được quy định cụ thể tại phụ lục của quyết định chứng nhận nhãn năng lượng.

2. Sau khi được cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng, doanh nghiệp tự in nhãn năng lượng và dán lên phương tiện, thiết bị đã đăng ký theo mức năng lượng xác định trong giấy chứng nhận được cấp.

3. Nhãn năng lượng gắn lên phương tiện, thiết bị hoặc bao gói có kích thước phù hợp được thay đổi kích thước tăng giảm theo tỉ lệ, không được gây nhầm lẫn, che lấp hoặc ảnh hưởng tới thông tin ghi trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật.

4. Hết thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, doanh nghiệp không được tiếp tục dán nhãn năng lượng và phải đăng ký chứng nhận lại.

Điều 10. Chứng nhận lại

1. Doanh nghiệp phải đăng ký chứng nhận lại khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận hết hiệu lực;

b) Tiêu chuẩn đánh giá có thay đổi;

c) Phương tiện, thiết bị đã được chứng nhận có những thay đổi về mức tiêu thụ năng lượng;

d) Nội dung của nhãn hàng hóa thay đổi;

đ) Thay đổi địa điểm sản xuất.

2. Nội dung và thủ tục chứng nhận lại được thực hiện như chứng nhận lần đầu.

Chương VI
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÌNH CHỈ, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Điều 11. Kiểm tra, giám sát sau chứng nhận

1. Định kỳ hoặc bất thường, Bộ Công Thương chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành kiểm tra mẫu phương tiện, thiết bị trên thị trường hoặc tại cơ sở sản xuất.

2. Định kỳ hàng năm các doanh nghiệp đã được cấp chứng nhận và dán nhãn năng lượng có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được sản xuất, tiêu thụ và được dán nhãn năng lượng trong năm theo mẫu tại Phụ lục 7 gửi về Tổng cục Năng lượng và Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo.

Điều 12. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Tổ chức, cá nhân khiếu nại về dán nhãn năng lượng gửi đến Tổng cục Năng lượng để giải quyết theo pháp luật về khiếu nại.

2. Phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng có khiếu nại được lưu mẫu và kiểm tra lại tại Tổ chức thử nghiệm độc lập.

3. Trường hợp phương tiện, thiết bị được thử nghiệm không đạt yêu cầu, Tổng cục Năng lượng xem xét quyết định việc tăng số lượng và phương pháp lấy mẫu thử nghiệm.

4. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khiếu nại phải chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm trong trường hợp khiếu nại không đúng.

5. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng phải chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm; chi phí liên quan đến xử lý, khắc phục lỗi; các hình xử phạt và hình thức xử phạt bổ sung khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp phương tiện, thiết bị không đạt theo quy định.

Điều 13. Quản lý hoạt động thử nghiệm

1. Định kỳ một năm một lần các Tổ chức thử nghiệm được chỉ định có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị thuộc danh mục phải dán nhãn đã thử nghiệm theo mẫu tại Phụ lục 8 gửi về Tổng cục Năng lượng.

2. Bộ Công Thương quyết định đình chỉ việc chỉ định thử nghiệm dán nhãn năng lượng khi Tổ chức thử nghiệm có một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả thử nghiệm;

b) Không nộp báo cáo định kỳ theo quy định của Thông tư này hoặc không tuân thủ các chỉ dẫn, điều hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không còn đủ năng lực thử nghiệm theo quy định.

Điều 14. Đình chỉ sử dụng nhãn năng lượng

1. Bộ Công Thương quyết định đình chỉ dán nhãn năng lượng khi doanh nghiệp có một trong các hành vi sau:

a) Dán nhãn năng lượng khi chưa được cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng;

b) In sai quy cách, mẫu mã và sử dụng sai mục đích nhãn năng lượng với mục đích gây nhầm lẫn cho khách hàng;

c) Thể hiện trên nhãn năng lượng sai mức năng lượng được Bộ Công Thương cấp trong giấy chứng nhận;

d) Sử dụng nhãn năng lượng cho đối tượng khác với phương tiện, thiết bị đã được đăng ký và cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng;

đ) Sử dụng giấy chứng nhận đã hết hạn hoặc bị tẩy xóa;

e) Có các thay đổi về thiết kế và chế tạo phương tiện, thiết bị làm giảm chỉ tiêu năng lượng nhưng không đăng ký lại với Tổng cục Năng lượng;

g) Không thực hiện việc chế độ báo cáo theo quy định;

h) Có kết quả thử nghiệm thực tế không đúng với hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị đã đăng ký.

2. Doanh nghiệp bị đình chỉ dán nhãn năng lượng không được tiếp tục thực hiện dán nhãn năng lượng cho đến khi hoàn thành các biện pháp sửa chữa, khắc phục vi phạm.

Điều 15. Thu hồi giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng

1. Bộ Công Thương quyết định thu hồi giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng khi doanh nghiệp có một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện các yêu cầu trong quyết định đình chỉ sử dụng nhãn năng lượng đúng thời hạn;

b) Có gian dối trong hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng.

2. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng được gửi đồng thời đến doanh nghiệp vi phạm, Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam và đăng tải trên Website Bộ Công Thương và Website Tổng cục Năng lượng.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Tổng cục Năng lượng

1. Xây dựng kế hoạch hàng năm về dán nhãn năng lượng, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, đánh giá và chỉ định các Tổ chức thử nghiệm.

2. Đầu mối tham mưu cho Bộ Công Thương trong việc phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành, sửa đổi Tiêu chuẩn Quốc gia về hiệu suất năng lượng và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng.

3. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chứng nhận dán nhãn năng lượng.

4. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức thử nghiệm đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng.

5. Đánh giá năng lực, điều kiện đảm bảo chất lượng tại doanh nghiệp sản xuất, tổ chức thử nghiệm, doanh nghiệp nhập khẩu và các điều kiện có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu năng lượng, chất lượng của phương tiện, thiết bị đăng ký.

6. Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Tổ chức thử nghiệm được chỉ định, các doanh nghiệp có phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng trên thị trường, giám sát quá trình chọn mẫu để thử nghiệm của doanh nghiệp.

7. Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến việc đăng ký, đánh giá, chứng nhận, cấp chứng nhận và dán nhãn năng lượng.

8. Tổ chức kiểm tra việc dán nhãn năng lượng, đề xuất Bộ Công Thương phương án xử lý trong trường hợp khiếu nại đúng và có căn cứ hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân khiếu nại trong trường hợp khiếu nại không đúng, thiếu căn cứ.

9. Công bố chi tiết thông tin về thủ tục đăng ký, các biểu mẫu chi tiết cho việc dán nhãn phương tiện, thiết bị tiêu thụ năng lượng trên trang thông tin điện tử (website) của Bộ Công Thương và của Tổng cục.

10. Yêu cầu các doanh nghiệp thu hồi các phương tiện, thiết bị đã được dán nhãn năng lượng không đúng quy định đang lưu thông trên thị trường.

11. Đề nghị Bộ Công Thương ra quyết định đình chỉ sử dụng nhãn năng lượng trong trường hợp quá 90 ngày doanh nghiệp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thanh tra, kiểm tra, giám sát trên địa bàn, việc thực hiện dán nhãn đối với các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, phân phối phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng.

2. Tiếp nhận và tổng hợp thông tin báo cáo của doanh nghiệp về phương tiện, thiết bị sản xuất, nhập khẩu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng tại địa phương hàng năm và các phương tiện, thiết bị đã dán nhãn năng lượng trong năm và gửi Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 3 năm tiếp theo.

3. Xử lý, đề xuất phương án xử lý, kiểm tra việc khắc phục vi phạm của doanh nghiệp đóng trụ sở trên địa bàn tỉnh vi phạm về dán nhãn năng lượng và báo cáo cho Bộ Công Thương.

4. Đề nghị Bộ Công Thương quyết định đình chỉ sử dụng nhãn năng lượng trong trường hợp quá 90 ngày doanh nghiệp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

5. Thực hiện các công tác quản lý, giám sát khác theo ủy quyền của Bộ Công Thương.

Điều 18. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Lập báo cáo định kỳ về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được sản xuất, kinh doanh và dán nhãn tiết kiệm năng lượng gửi về Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Kịp thời báo cáo Bộ Công Thương các chỉ tiêu công nghệ thay đổi, các tác động tăng hoặc giảm các chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị, thực hiện đăng ký chứng nhận lại theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này khi có các thay đổi về thiết kế, công nghệ làm ảnh hưởng tới mức tiêu thụ năng lượng.

3. Chủ động báo cáo về Bộ Công Thương và cơ quan chức năng tại địa phương đồng thời tiến hành các biện pháp khắc phục đối với phương tiện, thiết bị đang sản xuất, nhập khẩu hoặc phân phối, phương tiện, thiết bị đang lưu thông trên thị trường cũng như phương tiện, thiết bị đang trong quá trình sử dụng khi phát hiện phương tiện, thiết bị của mình đang sản xuất, kinh doanh có biểu hiện không phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá tương ứng.

4. Ngừng ngay việc dán nhãn năng lượng lên phương tiện, thiết bị, và gửi báo cáo về Bộ Công Thương cùng đề xuất giải pháp khắc phục khi có quyết định đình chỉ sử dụng nhãn năng lượng.

5. Thường xuyên thực hiện và duy trì các biện pháp đảm bảo phương tiện, thiết bị đạt tiêu chuẩn sử dụng năng lượng tiết kiệm như đã đăng ký và được xác nhận trong Giấy chứng nhận.

6. Thu hồi các phương tiện, thiết bị của doanh nghiệp đã dán nhãn năng lượng không đúng quy định đang lưu thông trên thị trường.

Điều 19. Hiệu lực thi hành[3]

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 2012.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để kịp thời xử lý./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 09/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2016

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

---

[3] "Điều 12 Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Công Thương để xem xét, hướng dẫn giải quyết./."